



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2013

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 6294 1117/6252 1818 Fax: 08. 6294 1119

HÀ NỘI, THÁNG 02 NĂM 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Địa chỉ : Số 34, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

BAO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2013

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vipaco trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Vipaco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex, tên giao dịch là Vipaco Joint Stock Company, viết tắt là: VIPACO.,JSC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010510 ngày 05/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Từ ngày 03/4/2009 Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vipaco theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 03/4/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Từ ngày 20/4/2010 Công ty Cổ phần VIPACO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101858299. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu số 0101858299 ngày 26/10/2012 thì Vốn điều lệ của Công ty là **30.000.000.000 VND** (Ba mươi tỷ đồng).

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 3.000.000 cổ phần
- Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Công ty Cổ phần VIMECO	Lô E9 đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	637.500
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	Số 8 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	510.000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới thương mại; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác, kinh doanh các loại khoáng sản (Trừ loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh các loại vải dệt đã được nhuộm, hồ, phủ, ép lớp, các sản phẩm dệt thích hợp trong công nghiệp; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu đô thị công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và nước thải; Các công trình đường dây và trạm biến thế điện; Các công trình phòng và chữa cháy;
- Xây dựng các công trình giao thông; Thi công san lấp nền móng, xử lý đất nền yếu; Xuất khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh; Các dịch vụ liên quan đến in;
- In bao bì, các nhãn mác mang tính thương mại; Sản xuất các sản phẩm dệt khác; Dệt bao bì nhựa PP, PE;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Buôn bán máy móc, thiết bị sản xuất bao bì, giấy và bột giấy;
- Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy và các sản phẩm từ giấy; Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì.

Địa chỉ : Số 34, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Minh Giang	Chủ tịch
Ông Lê Thế Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Bùi Xuân Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Thao	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Minh Giang	Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO



Vũ Minh Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 84-14/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vipaco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vipaco (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 19/02/2014, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2013, Nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 40.287.801.242 VND, lũy kế là 39.068.890.497 VND vượt quá vốn chủ sở hữu là 5.897.756.002. Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Và do đó Công ty có thể không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày đầy đủ vấn đề này.



Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ việc không trình bày đầy đủ các thông tin nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán độc lập được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Vipaco giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 110+120+130+140+150)	100		17.074.447.357	34.288.905.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	120.704.623	2.678.102.237
1. Tiền	111		120.704.623	2.678.102.237
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.987.918.242	20.815.982.604
1. Phải thu khách hàng	131	VIII.2.1	8.657.202.467	20.197.006.434
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	1.684.090.450	897.883.186
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	92.218.724	138.321.388
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(445.593.399)	(417.228.404)
IV. Hàng tồn kho	140		3.680.129.604	8.429.243.204
1. Hàng tồn kho	141	V.03	3.680.129.604	8.429.243.204
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.285.694.888	2.365.577.951
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.027.095	70.567.627
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.138.860.547	1.053.503.555
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	2.113.807.246	1.241.506.769
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		48.948.751.623	55.605.040.404
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.419.045.421	45.543.718.260
1. TSCĐ hữu hình	221	V.04	39.419.045.421	43.958.672.497
- Nguyên giá	222		67.713.018.474	65.887.038.734
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.293.973.053)	(21.928.366.237)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.05	-	1.585.045.763
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.529.706.202	10.061.322.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	9.513.706.202	10.045.322.144
3. Tài sản dài hạn khác	268		16.000.000	16.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		66.023.198.980	89.893.946.400

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		71.920.954.982	79.699.638.394
I. Nợ ngắn hạn	310		57.362.248.599	63.940.705.011
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	39.637.076.233	45.688.317.955
2. Phải trả người bán	312	VIII.2.4	14.589.953.141	16.556.238.199
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	19.999.891	57.850.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	750.911.364	246.262.174
5. Phải trả người lao động	315		915.129.317	659.890.771
6. Chi phí phải trả	316	V.09	60.909.090	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	1.014.279.687	350.906.036
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		373.989.876	381.239.876
II. Nợ dài hạn	330		14.558.706.383	15.758.933.383
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	14.558.706.383	15.758.933.383
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		(5.897.756.002)	10.194.308.006
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	(5.897.756.002)	10.194.308.006
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.958.644.239	2.958.644.239
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		212.490.256	212.490.256
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(39.068.890.497)	(22.976.826.489)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		66.023.198.980	89.893.946.400

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Giám đốc

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Bích Thơ



Vũ Minh Giang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13	108.410.423.870	98.044.446.190
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.14	5.556.248	100.026.413
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.15	108.404.867.622	97.944.419.777
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	113.386.004.917	107.171.228.389
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(4.981.137.295)	(9.226.808.612)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	278.751.103	6.943.590
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	7.246.651.208	8.555.292.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.121.328.800	8.443.552.604
8. Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	1.471.371.221	1.660.660.909
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	2.723.744.300	4.021.823.877
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(16.144.152.921)	(23.457.642.425)
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.8	403.950.018	900.708.954
12. Chi phí khác	32	VIII.2.9	351.861.105	536.885.558
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		52.088.913	363.823.396
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(16.092.064.008)	(23.093.819.029)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(16.092.064.008)	(23.093.819.029)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	(5.364)	(7.698)

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Bích Thơ

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Giám đốc



Vũ Minh Giang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2013	Năm 2012
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(16.092.064.008)	(23.093.819.029)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ	02		6.501.092.963	5.591.375.763
	- Các khoản dự phòng	03		28.364.995	417.228.404
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.734.160)	(6.943.590)
	- Chi phí lãi vay	06		7.121.328.800	8.443.552.604
3.	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.444.011.410)	(8.648.605.848)
	- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		9.844.160.854	21.258.508.080
	- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		4.749.113.600	9.289.314.305
	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(527.214.690)	(2.654.864.028)
	- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		569.156.474	322.218.134
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.121.328.800)	(8.533.092.677)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(42.101.228)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		335.343.600	315.615.883
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(340.381.352)	(281.950.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.064.838.276	11.025.042.621
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(243.159.819)	(29.018.429)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	250.960.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		2.734.160	6.943.590
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(240.425.659)	228.885.161
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		58.456.703.225	91.919.152.339
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(65.838.513.456)	(100.317.814.863)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(257.512.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.381.810.231)	(8.656.175.024)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.557.397.614)	2.597.752.758
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	2.678.102.237	80.349.479
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	120.704.623	2.678.102.237

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Bích Thor

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Giám đốc



Vũ Minh Giang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vipaco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex, tên giao dịch là Vipaco Joint Stock Company, viết tắt là: VIPACO.,JSC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010510 ngày 05/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Từ ngày 03/4/2009 Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vipaco theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 03/4/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Từ ngày 20/4/2010 Công ty Cổ phần VIPACO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101858299. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu số 0101858299 ngày 26/10/2012 thì Vốn điều lệ của Công ty là **30.000.000.000 VND** (Ba mươi tỷ đồng).

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 3.000.000 cổ phần
- Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại bao bì.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới thương mại; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác, kinh doanh các loại khoáng sản (Trừ loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh các loại vải dệt đã được nhuộm, hồ, phủ, ép lớp, các sản phẩm dệt thích hợp trong công nghiệp; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu đô thị công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và nước thải; Các công trình đường dây và trạm biến thế điện; Các công trình phòng và chữa cháy;
- Xây dựng các công trình giao thông; Thi công san lấp nền móng, xử lý đất nền yếu; Xuất khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh; Các dịch vụ liên quan đến in;
- In bao bì, các nhãn mác mang tính thương mại; Sản xuất các sản phẩm dệt khác; Dệt bao bì nhựa PP, PE;
- Buôn bán máy móc, thiết bị sản xuất bao bì, giấy và bột giấy;
- Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy và các sản phẩm từ giấy; Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Địa chỉ: Số 34, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân từng lần nhập xuất.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định điều chỉnh trong năm theo Báo cáo kiểm toán số 08-13/BC-XD/ĐT-VAT ngày 18/01/2013 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Nguyên giá mới được xác định bằng giá trị quyết toán từng tài sản cộng chi phí liên quan theo quyết toán (chi phí lãi vay vốn hóa, chi phí lắp đặt chạy thử,...) phân bổ theo tiêu thức tỷ lệ giá trị quyết toán từng tài sản.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**10.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế. Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư vào Dự án nhà máy tại Bắc Ninh được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

10.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn vay dưới 01 năm được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn vay trên 01 năm được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì dự án nhà máy Bao bì của công ty ở Tân Thành - Bà Rịa Vũng Tàu thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư. Công ty được miễn 4 năm từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 08 năm tiếp theo cho dự án đầu tư (Công ty đã có công văn số 143/TCK-VIPACO ngày 07/12/2006 gửi cục thuế TP Hà Nội về vấn đề trên). Năm 2013 là năm thứ 5 công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất bao bì.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	14.507.228	24.243.211
Tiền gửi ngân hàng	106.197.395	2.653.859.026
Tiền VND	101.801.923	2.653.859.026
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Trần Duy Hưng	945.306	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thành Công	1.809.192	-
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Sở giao dịch	52.918.993	2.637.390.254
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	45.882.990	16.233.239
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Cẩm Phả	245.442	235.533
Tiền USD	4.395.472	-
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Sở giao dịch	4.395.472	-
Tổng cộng	120.704.623	2.678.102.237

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Lilama	50.631.691	50.631.691
Bảo hiểm xã hội	-	46.102.664
Các đối tượng khác	41.587.033	41.587.033
Tổng cộng	92.218.724	138.321.388

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	423.279.133	1.071.469.000
Nguyên liệu, vật liệu	1.617.715.210	3.067.337.724
Công cụ dụng cụ	57.903.040	71.450.670
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	406.245.653	2.376.825.695
Thành phẩm	1.174.986.568	1.231.794.454
Hàng hóa	-	56.618.382
Hàng gửi bán	-	553.747.279
Giá gốc Hàng tồn kho	3.680.129.604	8.429.243.204

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án "đầu tư xây dựng Nhà máy bao bì Bắc Ninh"	-	1.585.045.763
Tổng cộng	-	1.585.045.763

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê đất tại Vũng Tàu	4.333.157.563	4.441.407.022
Tiền thuê đất tại Bắc Ninh	5.127.282.102	5.580.943.307
Công cụ, dụng cụ (i)	53.266.537	22.971.815
Tổng cộng	9.513.706.202	10.045.322.144

(i) Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2013 của TSCĐ có nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ là: 51.460.863 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

4. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình		Đơn vị tính: VND		
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư tại ngày 01/01/2013	22.084.904.460	42.088.265.283	1.659.934.451	53.934.540
Mua trong năm	-	243.159.819	-	-
Tăng khác (i)	-	2.001.350.337	-	-
Giảm khác (ii)	(225.816.486)	(138.779.390)	-	(53.934.540)
Số dư ngày 31/12/2013	21.859.087.974	44.193.996.049	1.659.934.451	-
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2013	5.258.316.684	15.665.598.355	950.516.658	53.934.540
Khấu hao trong năm	1.610.189.650	4.702.780.301	188.123.012	-
Tăng khác (i)	-	231.038.484	-	-
Giảm khác (ii)	(231.038.484)	(81.551.607)	-	(53.934.540)
Số dư ngày 31/12/2013	6.637.467.850	20.517.865.533	1.138.639.670	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày 01/01/2013	16.826.587.776	26.422.666.928	709.417.793	-
- Tại ngày 31/12/2013	15.221.620.124	23.676.130.516	521.294.781	-

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 39.419.045.421 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 896.878.541 VND

(i) Tăng khác là điều chỉnh tăng nguyên giá theo Báo cáo kiểm toán số 08-13/BC-XD/ĐT-VAT ngày 18/01/2013 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam v quyết toán các chi phí của Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy bao bì Bắc Ninh" với giá trị 2.001.350.337 VND.

(ii) Giảm khác là điều chỉnh giảm nguyên giá theo Báo cáo kiểm toán số 08-13/BC-XD/ĐT-VAT ngày 18/01/2013 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam về quyết toán các chi phí của Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy bao bì Bắc Ninh" với giá trị 231.038.484 VND và điều chỉnh những TSCĐ có nguyên giá dư 30.000.000 VND được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Trong đó:

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 124.949.649 VND.
- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng vẫn còn giá trị còn lại là: 67.764.281 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

7. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng và các tổ chức kinh tế	37.553.546.486	42.388.317.955
Tiền VND	37.553.546.486	42.388.317.955
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Sở Giao dịch (i)	34.931.041.145	34.709.543.840
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân (ii)	2.622.505.341	7.678.774.115
Vay ngắn hạn cá nhân (iii)	2.083.529.747	3.300.000.000
Tiền VND	2.083.529.747	3.300.000.000
Lê Trọng Tâm	-	300.000.000
Nguyễn Hồng Nhung	-	1.000.000.000
Nguyễn Văn Tường	1.300.000.000	2.000.000.000
Nguyễn Kim Cương	280.000.000	-
Bạch Thị Ngọc Thúy	147.000.000	-
Nguyễn Văn Thịnh	316.529.747	-
Nguyễn Anh Tuấn	20.000.000	-
Vũ Minh Giang	20.000.000	-
Tổng cộng	39.637.076.233	45.688.317.955

(i) Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam:

- Hợp đồng vay số 1200-LAV-201101125 ngày 08/9/2011, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo quy định tại sổ giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và được ghi trên giấy nhận nợ của từng khoản vay; Vay trong hạn mức tín dụng bao gồm cả dư nợ vay bằng VND và USD được quy đổi sang VND theo tỷ giá ngày phát sinh khoản vay, số dư bảo lãnh và số dư mở L/C bằng vốn tín dụng chưa đến hạn thanh toán; Bảo đảm tiền vay bằng quyền đòi nợ và tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ dây chuyền máy móc, thiết bị, nhà xưởng của hai nhà máy sản xuất bao bì xi măng tại Bà Rịa Vũng Tàu và tại khu Công nghiệp Quế Võ II - Bắc Ninh.

- Phụ lục số 1 ngày 08/9/2012 hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo Hợp đồng số 1200-LAV-20101125 ngày 8/9/2011 gia hạn hiệu lực hợp đồng hạn mức thêm 1 năm; Hợp đồng này sẽ có hiệu lực đến hết ngày 08/9/2013.

- Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-201300889/HĐTD ngày 16/9/13, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo quy định tại sổ giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và được ghi trên giấy nhận nợ của từng khoản vay; Vay trong hạn mức tín dụng bao gồm toàn bộ dư nợ thực tế, số dư bảo lãnh, số dư mở L/C thanh toán bằng vốn của Công ty tại sổ giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013-2014.

Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

(ii) Vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo:

- Hợp đồng vay số 01/2011/HĐTD ngày 14/04/2011, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

- Hợp đồng số 01/2012/HĐTD ngày 26/6/2012. Vay thường xuyên theo dư nợ tối đa với số tiền 10 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi;
Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

(iii) Vay cá nhân

- Vay Ông Lê Trọng Tâm theo Hợp đồng số 01/2012-VV ngày 19/9/2012; và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 18/12/2012 gia hạn thời hạn vay đến 19/6/2013; lãi suất 0%/năm;
- Vay Bà Nguyễn Hồng Nhung theo Hợp đồng số 01/2012-VV ngày 28/2/2012, thời hạn vay 01 năm; lãi suất thả nổi theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Vay Ông Nguyễn Huy Tường theo Hợp đồng 04/2012-VVCN ngày 17/4/2012, và phụ lục hợp đồng số 01/2012-VVCN ngày 16/5/2012 gia hạn thời hạn vay đến 17/6/2013; lãi suất 0%/năm.
- Vay Ông Nguyễn Kim Cương theo hợp đồng 06/2013-VV ngày 04/11/2013, thời hạn 5 ngày, lãi suất vay 0,5%/ngày; và Hợp đồng số 05/10/2013-VVCN, thời hạn 12 tháng, lãi suất 14%.
- Vay Ông Nguyễn Văn Thịnh theo hợp đồng số 01/2013-VV, thời hạn 12 tháng, lãi suất thả nổi và Hợp đồng số 03/10/2013-VVCN, thời hạn 24 tháng, lãi suất vay 14%/năm.
- Ông Nguyễn Anh Tuấn theo Hợp đồng 05/2013-VV ngày 06/03/2013, thời hạn từ 06/03/2013 đến 30/9/2014, lãi suất vay theo thực tế từng lần phát sinh.
- Bà Bạch Thị Ngọc Thủy theo Hợp đồng 02/2013-VV ngày 24/05/2013, thời hạn 12 tháng, lãi suất 0%/năm

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT hàng nội địa	240.529.642	947.773.465	438.495.223	749.807.884
Thuế GTGT hàng NK	-	311.918.262	311.918.262	-
Thuế nhập khẩu	-	36.980.278	36.980.278	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.732.532	35.667.291	40.296.343	1.103.480
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	246.262.174			750.911.364

9. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng tháng 11, 12/2013	35.000.000	-
Chi phí sửa máy dệt	25.909.090	-
Tổng cộng	60.909.090	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	184.217.332	110.673.540
Bảo hiểm xã hội	639.484.843	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	93.137.664
Cổ tức phải trả	114.062.500	114.062.500
Phải trả phải nộp khác	76.515.012	33.032.332
Tổng cộng	1.014.279.687	350.906.036

11. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	14.558.706.383	15.758.933.383
<i>Tiền VND</i>	<i>7.064.631.383</i>	<i>8.348.933.383</i>
<i>Tiền USD</i>	<i>7.494.075.000</i>	<i>7.410.000.000</i>
Tổng cộng	14.558.706.383	15.758.933.383

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo 02 Hợp đồng:

+ Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-201001412 ngày 3/11/2010; lãi suất thả nổi theo công thức tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng +3,5%/năm; điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

- Phụ lục hợp đồng tín dụng trung hạn số 03/1200-LAV-20101412 ngày 3/11/2012 quy định những điều chỉnh về kế hoạch trả nợ gốc theo kế hoạch mới và trả nợ lãi 6 tháng 1 lần, thời hạn trả nợ gốc, lãi vay đến hết ngày 03/11/2015.

- Phụ lục hợp đồng tín dụng số 04/1200-LAV-20101412 ngày 04/11/2013 quy định những điều chỉnh hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-201001412 ngày 3/11/2010 về kế hoạch trả nợ gốc đến hết ngày 03/11/2016, trả nợ lãi vẫn theo phụ lục hợp đồng số 03/1200-LAV-20101412 ngày 03/11/2010. Mục đích vay: huy động vốn kinh doanh.

+ Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-201101125 ngày 08/9/2011; lãi suất cho vay theo quy định của sở giao dịch điều ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2012	30.000.000.000	238.799.364	(22.751.190)	119.320.326	30.335.368.500
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong trước	-	-	-	(23.093.819.029)	(23.093.819.029)
Tăng khác	-	2.719.844.875	22.751.190	-	2.742.596.065
Lỗ trong trước	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(2.327.786)	(2.327.786)
Số dư ngày 31/12/2012	30.000.000.000	2.958.644.239	-	(22.976.826.489)	9.981.817.750
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(16.092.064.008)	(16.092.064.008)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	30.000.000.000	2.958.644.239	-	(39.068.890.497)	(6.110.246.258)

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO	6.375.000.000	6.375.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	6.375.000.000	6.375.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.150.000.000	12.150.000.000
Tổng cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

12.4 Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	

12.5 Các quỹ của Doanh nghiệp*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2013
Quỹ dự phòng tài chính	212.490.256	-	-	212.490.256
Tổng Cộng	212.490.256	-	-	212.490.256

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****13. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thương mại	59.131.086.163	23.501.071.481
Doanh thu bán thành phẩm	48.806.390.100	74.111.389.818
Doanh thu hoạt động xây lắp	472.947.607	431.984.891
Tổng cộng	108.410.423.870	98.044.446.190

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán - Doanh thu bán thành phẩm	5.556.248	100.026.413
Tổng cộng	5.556.248	100.026.413

15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thương mại	59.131.086.163	23.501.071.481
Doanh thu bán thành phẩm	48.800.833.852	74.011.363.405
Doanh thu hoạt động xây lắp	472.947.607	431.984.891
Tổng cộng	108.404.867.622	97.944.419.777

16. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn thương mại	57.727.101.470	22.995.988.221
Giá vốn bán thành phẩm	54.926.206.953	83.642.787.615
Giá vốn hoạt động xây lắp	732.696.494	532.452.553
Tổng cộng	113.386.004.917	107.171.228.389

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.734.160	6.943.590
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	276.016.943	-
Tổng cộng	278.751.103	6.943.590

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***18. Chi phí tài chính**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.121.328.800	8.443.552.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.217.070	111.740.013
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	79.105.338	-
Tổng cộng	7.246.651.208	8.555.292.617

19. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	109.093.124.991	98.952.098.734
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	125.179.632.751	121.945.891.350
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.086.507.760)	(22.993.792.616)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	44.747.786.504	68.894.222.643
Chi phí nhân công	8.789.421.493	11.568.951.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.501.092.963	5.591.375.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.022.538.706	2.400.985.833
Chi phí khác bằng tiền	878.197.601	587.558.207
Tổng cộng	63.939.037.267	89.043.094.408

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(16.092.064.008)	(23.093.819.029)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.364)	(7.698)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**22. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của các khoản tiền vay	46.217.070	70.600.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản tiền vay	84.075.000	22.751.190
Lãi vay nhập gốc vay	49.439	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***VIII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Số dư với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu của khách hàng		3.277.878.600	12.670.696.643
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Cổ đông	-	3.042.935.520
Trạm nghiền Xi măng - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Chi nhánh phía Nam	Thành viên góp vốn	-	3.325.025.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Cùng Tổng Công ty	-	5.855.103.830
Công ty Cổ phần Vimeco	Cổ đông	3.277.878.600	447.632.293
Phải trả nhà cung cấp		1.561.517.750	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Cổ đông	1.561.517.750	-
Vay ngắn hạn và dài hạn			
Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	20.000.000	-
Nguyễn Kim Cương	Nhân viên kế toán	280.000.000	-
Vũ Minh Giang	Giám đốc	20.000.000	-

1.2 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu		85.027.880.220	62.985.234.891
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Cổ đông	58.984.462.403	62.553.250.000
Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả	Cổ đông	17.557.500.000	-
Ban quản lý Đường Láng Hòa Lạc	Cùng Tổng Công ty	-	431.984.891
Công ty Cổ phần Vimeco	Cổ đông	8.485.917.817	-
Thu nhập khác		-	529.623.700
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Cổ đông	-	529.623.700
Mua hàng		8.232.464.878	3.529.469.508
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Cổ đông	-	3.529.469.508
Ban quản lý Đường Láng Hòa Lạc	Cùng Tổng Công ty	727.178.151	-
Công ty Cổ phần Vimeco	Cổ đông	7.505.286.727	-
Vay ngắn hạn và dài hạn		7.566.912.000	-
Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	20.000.000	-
Nguyễn Kim Cương	Nhân viên kế toán	3.480.000.000	-
Phạm Tiến Bình	Nhân viên Phòng kế hoạch đầu tư	200.000.000	-
Vũ Minh Giang	Giám đốc	20.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

1.3 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương	509.887.159	762.377.767
Tổng cộng	509.887.159	762.377.767

2. Những thông tin khác**2.1. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	4.366.070.588	5.848.183.544
Công ty Cổ phần Vimenco	3.277.878.600	447.632.293
BQL Đường Láng Hoà Lạc	537.112.286	189.697.918
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	5.855.103.830
Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả	-	3.325.025.000
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	3.042.935.520
Các đối tượng khác	476.140.993	1.488.428.329
Tổng cộng	8.657.202.467	20.197.006.434

2.2. Trả trước cho người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Quế Võ IDICO	1.520.858.000	800.000.000
Hoàng Thị Thu Loan	101.376.000	-
Công ty Gotech testing machines inc	28.500.000	-
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân	12.500.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	-	50.000.000
Các đối tượng khác	20.856.450	47.883.186
Tổng cộng	1.684.090.450	897.883.186

2.3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	2.108.488.290	1.238.306.769
Nguyễn Thanh Bình	1.665.118.290	943.118.290
Đào Hùng Dũng	251.000.000	251.000.000
Nguyễn Bích Thơ	79.700.000	-
Đinh Công Chiến	61.400.000	7.150.000
Đặng Thị Dung	19.000.000	19.000.000
Hoàng Anh Tuấn	14.400.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013**

(tiếp theo)

Phạm Tiến Bình	12.870.000	-
Triệu Thị Vân	3.000.000	6.000.000
Lâm Văn Tới	2.000.000	2.000.000
Trần Thị Thu Hằng	-	10.038.479
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	5.318.956	3.200.000
Sở Giao dịch Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	2.000.000	2.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.118.956	-
Đặt cọc sử dụng mạng VNPT	1.200.000	1.200.000
Tổng cộng	2.113.807.246	1.241.506.769

2.4. Phải trả người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Thành Dững	6.986.160.024	5.490.369.965
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.561.517.750	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đồng Phú	900.344.301	-
Công ty TNHH Sản xuất giấy và bao bì Phương Đông	716.609.900	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	596.235.264	1.537.423.364
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nhựa Việt Quang	502.457.000	450.000.000
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp và Đầu tư Long Giang	425.752.944	-
Công ty TNHH Thương mại Tuấn Tài	419.845.998	-
Công ty TNHH Lộc Dung	405.191.100	247.885.291
Công ty Cổ phần Hà Anh	375.354.000	-
Cửa hàng Trường Phát	323.128.900	228.467.620
Công ty TNHH Thương mại Hưng Phát Thành	315.633.320	376.133.320
Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất - Thương mại Trần Gia	-	814.320.000
Công ty Cổ phần Lam Sơn	-	753.051.245
Công ty Cổ phần CN TM Sông Đà	-	738.988.886
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	-	386.100.000
Các đối tượng khác	1.061.722.640	5.533.498.508
Tổng cộng	14.589.953.141	16.556.238.199

2.5. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần XNK TH & Đầu tư Long Giang	19.999.891	-
Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu	-	57.850.000
Tổng cộng	19.999.891	57.850.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***2.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	201.834.418	308.833.755
Chi phí khấu hao	35.383.632	35.383.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.032.859.822	1.264.508.340
Chi phí bằng tiền khác	201.293.349	51.935.182
Tổng cộng	1.471.371.221	1.660.660.909

2.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.793.893.040	2.286.006.317
Chi phí vật liệu quản lý	118.033.892	115.119.157
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.341.471	57.000.559
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.971.332	146.971.332
Thuế, phí, lệ phí	162.510.498	101.885.167
Dự phòng phải thu khó đòi	28.364.995	417.228.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	386.256.585	799.053.895
Chi phí bằng tiền khác	60.372.487	98.559.046
Tổng cộng	2.723.744.300	4.021.823.877

2.8 Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tiền thưởng doanh số bán xi măng Công ty Cẩm Phả	49.080.400	529.623.700
Phí môi giới xi măng xuất khẩu	5.354.618	-
Bán phế liệu Kraft	349.515.000	371.085.254
Tổng cộng	403.950.018	900.708.954

2.9 Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí bán phế liệu Kraft	350.791.200	530.458.818
Điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	700.000	-
Phạt vi phạm hành chính	369.905	6.426.740
Tổng cộng	351.861.105	536.885.558

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (84) 04 3 555 3692

Fax: (84) 04 3 555 3690

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

2.10 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần VIPACO đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số chỉ tiêu so sánh của kỳ trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Số liệu điều chỉnh được thuyết minh chi tiết như sau:

3. Số liệu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh**3.1 Số liệu trước điều chỉnh**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2012
I. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
1 Giá vốn hàng bán	87.486.670.553
2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.409.261.193)
3 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.409.261.193)
II. Bảng cân đối kế toán	31/12/2012
1 Hàng tồn kho	28.113.801.040
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.292.268.653)

3.2 Số liệu sau điều chỉnh

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2012
I. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
1 Giá vốn hàng bán	107.171.228.389
2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.093.819.029)
3 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.093.819.029)
II. Bảng cân đối kế toán	31/12/2012
1 Hàng tồn kho	8.429.243.204
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(22.976.826.489)

3.3 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh hồi tố**Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán năm 2012**

- + Chỉ tiêu "Hàng tồn kho" giảm 19.684.557.836 đồng do Công ty áp dụng nhằm định mức tiêu hao nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm nhập kho.
- + Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm 19.684.557.836 đồng, do tăng giá vốn hàng bán 19.684.557.836 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Ảnh hưởng đến Kết quả kinh doanh năm 2012

- + Chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” tăng 19.684.557.836 đồng do Công ty áp dụng nhằm định mức tiêu hao nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm nhập kho.
- + Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm 19.684.557.836 đồng, do tăng giá vốn 19.684.557.836 đồng.

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VIPACO

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc



Nguyễn Bích Thơ



Vũ Minh Giang

